

# BÁT NHÃ VÀ TÌNH YÊU

Thích Thái Hoà

**B**ằng tất cả trí tuệ, bạn mới có thể nhìn thấy cuộc đời là một dòng sông tương tác giữa cái này và cái kia, tạo ra một trường thiên diễn vô tận của ráng nắng, của bọt nước, của ánh chớp, của sương, của giấc mơ, của tâm thức giả huyền - và bằng tất cả tình yêu, bạn có thể lắng nghe nụ cười và tiếng khóc trùng điệp đuổi bắt thay nhau của vạn loại chúng sanh trong thế giới phù hư giả ảo ấy.

Kinh nghiệm sống, chính là kinh nghiệm về cuộc tồn sinh giả ảo của cuộc đời, mà niềm tin và thất vọng, mà nụ cười và tiếng khóc luôn luôn chập chùng theo nhau và theo nhau hiện khởi trong từng sát na ở nơi tâm thức cuồng loạn của con người và vạn loại. Kinh nghiệm sống là kinh nghiệm đầu tiên và tối cùng của hy vọng và thất vọng, của hạnh phúc và khổ đau - ta mơ ước quá nhiều, nên ta khổ đau càng lắm. Nhưng thất vọng và khổ đau của con người và vạn loại chúng sanh là ngàn sai muôn biệt. Vì tâm và tướng của mỗi người mỗi loài đều dị biệt. Sự sai biệt về tâm và tướng đã tạo nên sự đa thù, vạn dạng của thế giới. Và chính cái đa thù và vạn dạng đó, lại là cái như thật của thế giới này. Vì tâm và tướng vạn thù sai biệt, nên cây thông đứng trước sân chùa ngày hôm qua chỉ là củi và gỗ của bác tiều phu, chỉ là bóng mát của những lữ khách qua đường, chỉ là những tàn cây cho chim muông làm tổ và bay nhảy đùa reo, nhưng nó là một Đấng Quân tử của Nguyễn Công Trứ, và là một thực tại toàn diện, sống động trước đôi mắt của một nhà Thiền quán. Bằng tất cả trí tuệ, ta phải biết cây thông là gì và ta là ai trong vòng nhân duyên tương tác thiên diễn vô tận này, ta có phải là cây tùng, là ráng nắng, bọt nước, ánh chớp, làn sương, là tâm thức hư ảo cuồng loạn ấy chăng?; và ta có phải là nụ cười, tiếng khóc, khi

niềm vui và khổ đau chợt có, chợt không lồng quện vào nhau và chen nhau hiện khởi? Nếu ta không phải là những cái đó thì ta là ai? Ai cười và ai khóc? Ai vui và ai khổ? Không có ai khóc sau tiếng khóc, chỉ có hành động và tiếng khóc khi nhân duyên của niềm đau hội đủ; không có ai cười sau tiếng cười, chỉ có hành động và nụ cười khi nhân duyên của niềm vui cùng nhau hội tụ. Nước và lửa đối ngại nhau, nên ta khóc; Nước và lửa cọt đùa với nhau, nên ta cười. Gió xoáy bụi bay, đất lở, nên ta khóc; Gió và đất cùng nhau tương hợp chuyển động, nên ta cười. Bằng tất cả trí tuệ bạn sẽ mỉm cười và tự nhủ: Ta chưa bao giờ có một cái ta đích thực. Ta chỉ là gió, là mây, là nước, là trăng sao, là hơi ấm của mặt trời, là những cực vi của trái đất đã cùng nhau hội tụ và phân ly trong cùng tương sinh tương hủy để thay nhau và cùng nhau đuổi bắt vô tận. Và ta trong vô số lần hội tụ và phân ly ấy, nước không còn là nước mà nước là gió, là mây, là mưa, là sương, là hơi ấm mặt trời, là bông hoa, là cây tùng, cây mai, là chú bé chăn trâu giữa ruộng đồng bát ngát, là em bé bán nước khắp mọi phương trời! Và mặt trời không còn là mặt trời, mặt trăng không còn là mặt trăng, mây không còn là mây, nước không còn là nước, đất không còn là đất mà chúng đã đi vào trong nhau và đã trở thành một "hợp thể vô thể" của nhau. Trong "hợp thể vô thể" ấy, "cái này có mặt trong cái kia, cái kia có mặt trong cái này" và chính "cái này đang trở thành cái kia và cái kia đang trở thành cái này", chúng tạo ra sinh lực, trật tự và bình an cho cuộc sống. Nhưng, trong "hợp thể vô thể" ấy, có một cá thể khởi lên tác ý rằng, ta chỉ thích làm mây hay ta chỉ thích làm mặt trời! thì hạnh phúc và nụ cười của ta tức khắc tan biến theo những ước muốn của các cá thể muốn làm mây hoặc làm mặt trời ấy. Sinh hoạt và tồn tại trong một "hợp thể vô thể", chỉ cần một cá thể khởi lên vọng tưởng, ta là cái này, ta là cái kia, thì tức khắc thế giới của "cái ta" trở nên tăm tối, cuộc sống của một cái ta trở nên chật hẹp. Vọng tưởng về một cá thể tồn tại độc lập trong một "hợp thể", đó là vọng tưởng lệ thuộc vô minh. Và cũng kể từ đó nó đưa ta đi vào cuộc trầm luân dâu bể tử sinh mà không biết đâu là bờ bến ngọn nguồn. Bằng tất cả trí tuệ bạn hãy nhìn thấy bất cứ cái gì là "hợp thể" thì cái ấy không còn là "cá thể", nếu có một "cá thể" thì "hợp thể" không thành. Nhưng, trong ta là một "hợp thể", ta đang tồn tại là tồn tại bằng "hợp thể" mà không phải bằng "cá thể", do đó sự sống của ta là hết sức linh hoạt và sống động vô cùng. Trong

hợp thể sống động, ta được tạo nên bởi những cái không phải là ta là của ta. Bằng đôi mắt quán chiếu của Bát Nhã bạn sẽ thấy - tự tính của hợp thể là 'không' đã đành, mà mỗi cá thể để tạo thành hợp thể ấy, tự tánh của nó cũng là 'không'. Do đó, trong một hợp thể không có tự tính thực hữu cho chính nó đã đành mà ngay trong mỗi cá thể tạo nên hợp thể ấy, cũng hoàn toàn không có tự thể thực hữu cho mỗi chính nó. Và chính cái không có tự thể thực hữu này, mới làm nền tảng cho mọi sự hiện hữu. "Vô tự thể" là cõi tuyệt đối bình an cho mọi hiện thể sinh diệt đi về. Bằng tất cả trí tuệ thực nghiệm, bạn thấy ngay tính vô thể ở nơi mọi sự hiện hữu là "không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt !" Và cũng bằng tất cả trí tuệ, bạn khởi lên tình yêu chân thực, thương hết thấy chúng sanh đang đắm chìm trong những hạnh phúc hư ảo do ngã tưởng vẽ bày, mà chối từ niềm vui tuyệt đối của Niết Bàn, nguyện ở lại với trần gian hư ảo, cùng đi, đứng, nằm, ngồi, cùng ăn uống, thở, cười, và cùng nghe tiếng khóc than của họ để cùng chia sẻ những niềm đau, nỗi buồn của họ và để có cơ hội khơi mở tuệ giác nơi chính họ. Với đại tâm và tình yêu chân thực, bạn có thể sử dụng bất cứ hình thức nào, dù là hình thức của một trẻ thơ để tạo cho mọi người niềm vui và giúp cho mọi người bớt khổ. Và dù ở đó, bạn hiện hữu như một trẻ thơ, nhưng là một trẻ thơ trong sáng của tình yêu. Bạn yêu tất cả, nhưng đối với tất cả bạn chưa bao giờ khởi lên một ý niệm chiếm hữu. Bạn hiện hữu trong trần thế, bằng tất cả sự hiểu biết và trái tim, để đưa mọi người và mọi loài vượt ra mọi cảm giác hư ảo, mọi tri giác sai lầm, mọi tác ý điên đảo và mọi nhận thức thiên lệch.

Bạn hiện hữu bằng tất cả những quan năng trong sáng và bằng trái tim vô nhiễm, bạn sẽ mỉm cười khi bị nhiều người nguyên rủa. Tình yêu của bạn như vậy là bạn không bao giờ để lại một dấu tích khổ đau cho ai, bạn là một nguồn cảm hứng vô tận của thi ca và vô biên của sáng tạo nghệ thuật. Vậy, bằng tất cả trí tuệ và tình yêu, bạn có thể thông tay vào chợ đời bất cứ lúc nào và ở đâu, để tạo nên mọi huyền sử và huyền thoại cho cuộc đời. □



## CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp báo tin lễ Thành hôn và  
Vu Quy của hai Huynh Trưởng

*Thiện Tâm - Trần Quốc Thành &  
Thiện Ứng - Nguyễn Thị Trúc Linh*  
Thuộc GDPT Pháp Quang

Hôn lễ sẽ được cử hành  
vào ngày 08.06.2002 tại Hamburg

Chúc mừng Quốc Thành & Trúc Linh  
mỗi ngày mỗi Hạnh Phúc trong An Vui Tự Tại

Ban Hướng Dẫn GDPT VN Âu Châu  
Ban Hướng Dẫn GDPT VN tại Đức Quốc  
và các Gia Đình địa phương.

## ĐƯỢC TIN VUI

*của anh*

*Thiện Niệm - Phạm Văn Trường*  
Thành viên Ban Văn nghệ & Đội Lân GDPT  
Chánh Dũng

Sánh duyên cùng cô:

*Thiện Bạch - Diệp Bích Nga*

Lễ thành hôn sẽ được cử hành vào ngày  
29.06.2002 tại Nürnberg

Ngành Thanh & Thiếu và  
Oanh Vũ GDPT Chánh Dũng  
thân chúc anh Trường và chị Bích Nga trọn  
đời Hạnh phúc  
trong An Lạc và Như Ý.

# NGƯỜI TẠI GIA TU PHẬT

Bài giảng của Hòa thượng Thích Thiện Siêu

Tu có nghĩa là sửa. Tu rất khó, khó nhất là tu tại gia, cho nên có câu : Thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa. Ở chùa có nhiều thiện duyên nên tương đối dễ tu. Ở chợ lại khó tu hơn một chút vì phải giữ lòng ngay thẳng, không gian manh lường cân tráo đấu; ở nhà lại khó hơn nữa vì bạn ác rủ rê làm ta dễ bị sa đọa.

## QUY Y TAM BẢO

Muốn tu tại gia trước tiên ta phải quy y 'Tam Bảo', và khi ta quy y Tam Bảo thì vấn đề lễ bái đối với ta rất quan trọng. Điều thứ nhất trong hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ tát là: 'Nhất giả lễ kính chư Phật'.

Có một lần ở thành Vương xá, đức Thế Tôn thấy con gia chủ là Thi-Ca-la-việt (Thiện Sanh) sáng nào cũng hướng 6 phương để đánh lễ trong lúc đầu tóc áo quần đang còn ướt sũng. Đức Thế Tôn hỏi Thi-Ca-la-việt lễ lạy như thế để làm gì ? Thì y thưa rằng lễ lạy như vậy là chỉ để làm theo lời cha dặn trước lúc lâm chung.

Chúng ta đôi khi cũng lễ lạy như vậy, lễ lạy theo thói quen khi bước chân vào chùa, lễ lạy khi nghe tiếng chuông, nhưng chúng ta cũng không ý thức lễ lạy để làm gì, và vì sao phải phải lễ lạy ? Hoặc giả chúng ta lễ lạy để cầu xin mua may bán đắt, cầu xin cho con cái thi đậu, cầu xin sức khỏe khi có người thân lâm bệnh. Chúng ta thường chỉ biết lễ lạy với tâm nguyện cầu như thế. Chúng ta đã quên mục đích cao cả khi chúng ta đã 'quy y Tam Bảo' là chúng ta phải học đạo của đức Phật, hành đạo như đức Phật, mục đích là xoay đời sống hung ác của ta thành đời sống từ bi, xoay xấu xa trở thành tốt đẹp. Chúng ta

thường hay bạ dẫu tính đó, ham kinh doanh, ham làm tiền, ham danh vọng, nên đời sống của chúng ta do đó không an lạc, chúng ta không được giải thoát. Khi một đệ tử đến cầu xin đức Phật giải thoát cho y khỏi bao đau khổ, phiền não, thì đức Phật hỏi y: "Ai ràng buộc người ? Ai không cho người được giải thoát ?"

Quy y Tam Bảo là nương theo Tam Bảo để làm như đức Phật, để tu như đức Phật cho đến khi được chánh đẳng chánh giác. Cho nên, khi chúng ta đã quy y Tam Bảo thì chúng ta không lạy gốc cây, không lạy bờ sông, không cúng ông Táo. Nếu chúng ta vẫn làm như vậy tức là chúng ta đã quên rằng chúng ta đã quy y Tam Bảo. Như vậy, chẳng khác nào anh làm ruộng gieo giống ngoài đồng rồi bỏ đó, không chăm sóc, không tưới bón, không vun quén, nếu chúng ta quy y Tam Bảo mà chúng ta không tu, không học đạo, không làm theo đạo Phật. Nếu chúng ta nhận định sai thì một ngày kia chúng ta phải thối tâm và sa đọa.

Đức Phật dạy một bài học cho chúng ta là: của cải không đem lại chân hạnh phúc. Đức Phật, một hôm ngồi trên một đám cỏ ướt mà không lạnh, không thấy khổ, vì nguyên nhân gây khổ đức Phật đã dứt từ lâu, nên đức Phật vẫn an nhiên tự tại, đức Phật bảo rằng: nằm trong nệm ấm chăn êm mà lòng tham, sân, si không dứt, luôn luôn lo sợ mất của thì vẫn đau khổ như thường.

Chúng ta đôi khi quên mục đích quy y và lễ bái Tam Bảo của chúng ta, và nếu chúng ta chỉ lễ bái với mục đích thỏa mãn lòng ham muốn tầm thường bất chính, thì chúng ta không bao giờ đạt được mục đích cao cả kia. Ngày xưa có một anh thờ vị Thần Lã tổ, và trú dạ lục thời anh ấy đều hương hoa lễ bái kính cẩn, chí thành. Ông Thần thấy anh kia tâm thành như vậy, rất cảm động, bèn hỏi anh ấy muốn cầu xin điều gì, thì y đáp là muốn xin Thần cho một chén vàng vì nhà y nghèo quá. Ông Thần liền đưa ngón tay hóa phép và một chén vàng hiện ra cho y. Anh ta mừng quá ! Vài hôm sau anh ta lại tiếp tục hương hoa lễ bái thành khẩn như trước. Ông Thần lại hiện lên và lại hỏi anh ta muốn cầu điều gì ? Anh ta liền thưa chén vàng nhỏ quá, không đủ để chi dùng, xin thần cho y một bình vàng. Ông Thần lại đưa ngón tay ra chỉ và một bình vàng đầy ắp hiện ra. Anh ta mừng quýnh. Nhưng chẳng bao lâu anh ta nghĩ rằng mình muốn nhiều thứ hơn nữa, mà mỗi lần cầu xin thì chỉ được một thứ mất công lễ bái. Lần

này anh ta sấm nhiều hương hoa, lễ bái nhiều hơn trước và thành khẩn hơn trước. Ông Thần thắc mắc quá, chẳng biết anh ta còn muốn gì ? Ông hỏi, con còn muốn cầu xin điều gì nữa ? Có phải con muốn đạo không ? Hỏi năm ba lần anh ta mới thưa rằng ‘Chỉ muốn xin ngón tay làm phép của Thần thôi’, ông Thần nổi giận đưa ngón tay chỉ một cái, tức thì nhà cửa, xe cộ, của cải gì của anh ta cũng sụp đổ tan tành. Thế mới hay nếu chúng ta lễ bái với mục đích cầu lợi lạc thì không bao giờ được thỏa nguyện, bởi lòng tham của chúng ta vô bờ.

### LỄ BÁI ĐÚNG ĐẮN

Nếu chúng ta không rõ ý nghĩa của lễ bái thì việc lễ bái trở thành vô ích. Vì sợ sệt mà lễ, vì lợi lộc mà lễ thì lễ Phật cũng như lễ gốc cây, bụi bờ không khác. Đàng này chúng ta lễ Phật vì kính trọng đức hạnh cao cả, vì phục sát đất tâm lượng đại từ đại bi của đức Phật, trí huệ rộng lớn bao la của đức Phật. Chúng ta đã quy y theo Phật thì tâm lượng ta cũng phải rộng rãi bao la, chúng ta cũng phải có trí tuệ sáng suốt, như đức Phật, chúng ta cố gắng bỏ tánh tham lam bòn xén nhỏ mọn hẹp hòi. Biết rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc tuyệt đối, nó là ‘một đay tổ trung thành và đồng thời cũng là một người chủ khác nghiệt’(ngạn ngữ Tây phương). Nếu chúng ta không để cho đồng tiền làm chủ thì đồng tiền mới đem lại hạnh phúc cho ta. (Xem câu chuyện anh chàng nghèo khổ nhưng đã phát tâm cúng dường tấm áo choàng duy nhất, rồi vừa la vừa chạy ‘được rồi, được rồi’ ; gặp lúc vua ngự ngang qua, cho đòi lại hỏi có sự. Sau khi biết chuyện, vua khen ngợi tấm lòng quảng đại của anh ấy và thưởng cho nhiều của cải).

Chúng ta lễ Phật là để cảm ân đức Phật đã giáo hóa chúng ta, đã bày chế ra bao nhiêu pháp môn phương tiện hầu dẫn dắt chúng ta đến Niết bàn, đến giải thoát. Phá trừ ngã chấp là giáo lý cao quý nhất mà đức Phật dạy cho chúng ta. Có người tu lâu năm, đạt được thần thông, bèn lên Thiên đường gõ cửa Thượng đế. Thượng đế hỏi ‘Ai đó?’. Người kia đáp : ‘Tôi đây’. Thượng đế hỏi : Tôi là ai ? Người kia đáp : Tôi là tôi. Thượng đế bảo : Nếu tôi là tôi và ông là ông thì ở đây không có chỗ cho hai người cùng ở, hãy về đi. Người kia trở về tu nữa. Lần sau, khi gõ cửa Thiên đường và Thượng đế hỏi : Ai đó ?- Tôi. Tôi là ai ? thì người kia đáp : Tôi là Ngài. Thượng đế mới bảo : ‘hãy vào’. Cho nên khi chúng

ta không phân biệt tôi, anh, khi chúng ta không chấp cái ‘ta’ thì bao nhiêu người cũng như một, đều sống chung với nhau, hòa thuận vui vẻ.

Đứa bé mới ra đời chưa biết gì. Đến một tuổi cha mẹ mới đặt cho một cái tên, có khi một cái tên rất xấu xa, và dần dần nó chấp chặt cái tên đó là mình, một khi có ai gọi cái tên ấy mà tán thán, khen ngợi thì nó lại thấy sung sướng, phấn khởi. Sau này khi lớn lên, khi nghe người khác xưng hô với mình thiếu lịch sự thì lại phiền muộn. Vì một cái tên bông lông, không đâu mà mình cứ đau khổ, sống chết luân hồi triền miên với nó ? Nếu tin hiểu được lời Phật dạy : ‘Vạn pháp đều như hóa như huyễn’ thì ta không bao giờ đau khổ nữa, không phiền muộn nữa. Cái danh xưng là giả tạm, cái thân là giả hợp, nếu chúng ta hiểu được như vậy, tất chúng ta an lạc, giải thoát (danh xưng như huyễn vô ngã).

Khi lễ Phật, chúng ta nguyện gì ? Nguyện tiêu tam chướng, trừ phiền não, nguyện trí huệ viên mãn, nghiệp chướng tiêu trừ, nguyện thường hành Bồ tát đạo. Đó là đem lại an lạc cho mình, cho nhân loại, cho chúng sanh. Cái an lạc này là an lạc từ trong tâm mà ra, từ trong lòng mình phát ra. Đức Phật dạy chỉ cái an lạc phát ra từ trong lòng mình mới là cái an lạc chân thật, còn cái an lạc từ ngoài mà có thì cái an lạc ấy là giả tạo.

Ta lễ bái 10 phương để làm gì ? và ta lễ ai ? Tức là ta lễ tất cả biến pháp giới : Nhất nhất biến lễ sát trần Phật. Tức ta cầu tất cả các đức Phật hộ trì để ta : a) diệt trừ được bốn nghiệp phiền não (sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối); b) diệt trừ bốn lý do làm ác (tham lam, sân hận, ngã mạn, ngu si); c) trừ bỏ sáu nguyên nhân phung phí tài sản (cờ bạc, rượu chè, giao du đường phố phi thời, la cà đình đám hí viện, giao du ác hữu, quen thói lười biếng). Như vậy vấn đề lễ bái mới chính đáng.

Kinh đức Phật dạy cho người tại gia. Nếu ai học được đúng đắn sẽ trở thành người tốt nhất. Ngài dạy rằng người tu tại gia cần biết tích lũy tài sản như con ong, như đụn mồi. Tiền của chia thành 4 phần: một để tiêu pha, hai phần làm vốn, một phần để dành khi gặp tai biến, khó khăn, làm việc từ thiện cúng dường. Chúng ta đã có nhiều công phu học Phật pháp nhưng ít khi nghe được một pháp vừa như ly sữa ngon ngọt cho trẻ thơ, như bữa ăn ngon cho

người lớn, như bữa ăn bổ dưỡng cho người già cả. Ngài dạy dỗ chúng sinh không phân biệt, lời dạy chung, không bỏ ai, không chọn lựa ai; ai cố gắng nghe, thì hành trì được giải thoát trọn vẹn. Mọi căn cơ đều có pháp môn thích hợp.

## **6 NGUYÊN NHÂN PHUNG PHÍ TÀI SẢN**

Nhân một buổi sáng đức Phật đi khất thực, thấy chàng Thiện Sanh, con gia chủ, hướng sáu phương lễ bái, đức Phật liền dạy muốn cho việc lễ bái có ý nghĩa, trước tiên không làm 4 hạnh ác là tham, sân, si, mê; sau đó tránh xa 6 nguyên nhân phung phí tài sản mà ở đời ít ai tránh khỏi. Đó là:

1. Đam mê rượu : Có sáu điều bất lợi là tài sản bị hao tổn, ưa đấu tranh, tật bệnh dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ thân tàng, trí huệ thương tổn, tâm trí không bình tĩnh (Câu chuyện một vị ưu bà tắc vô tình uống lầm rượu mà phạm mọi giới: ăn cắp gà, sát sanh, tà dâm, nói dối).
2. Du hành đường phố phi thời : Không ai che chở cho mình, không ai hộ trì gia đình, tài sản không ai trông nom, bị tình nghi tác giả các ác sự, nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não.
3. La cà đình đám hí viên : Tâm mơ tưởng vui chơi, bỏ bê vợ con, xao lãng công ăn việc làm, hao tổn tiền bạc.
4. Đam mê cờ bạc : Nếu thắng thì gây thù oán, nếu thua thì tâm sanh phiền muộn, tài sản bị hao thất, gây ra tranh chấp đánh lộn, tại hội trường lời nói không ai tin, bạn hữu khinh khi, vấn đề cuối gả không được tín nhiệm.
5. Thân cận ác hữu : Đó là những bạn cờ bạc, bạn loạn hành, người nghiện rượu, kẻ bạo động, người lừa gạt.
6. Quen thói lười biếng : Luôn luôn kiếm cớ để từ chối làm việc (quá nóng, quá lạnh, quá trẻ, quá đói, quá no).

## **CHỌN BẠN LÀNH MÀ CHƠI**

Đức Phật dạy phải chọn bạn như thế nào? Chọn thiện hữu tri thức mà giao du, nghĩa là người bạn lành. Có nhiều loại bạn : bạn rượu, bạn cờ bạc, bạn cơ hội, bạn mồi. Bạn giúp mình lúc hữu sự mới đúng là bạn tốt. Ác hữu là bạn cờ bạc đam mê héo mòn như trăng khuyết, nợ nần như chìm trong bồn

nước. Làm bạn thế nào cho xứng đáng mới đúng là tự giác giác tha.

Có bốn hạng người không phải là bạn : đưng vật gì cũng lấy, chỉ biết nói giỏi, khéo nịnh hót, tiêu pha xa xỉ, sợ thế lực, cho ít xin nhiều. Bạn vì mưu lợi, tỏ lộ thân tình trong việc đã qua, hoặc việc chưa đến, mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ; khi có công việc tự tỏ bất lực; đồng ý các việc ác, không đồng ý các việc thiện; trước mặt thì tán thán, sau lưng lại chỉ trích. Tiêu pha xa xỉ, cờ bạc rượu chè, vui chơi bê tha, đình đám, du hành đường phố phi thời : người trí sẽ tránh.

Bạn nên có: người bạn giúp đỡ mình khi hữu sự, khuyên điều lợi ích, người bạn chung thủy, có lòng thương tưởng tới mình. Mình muốn làm bạn với ai mình cũng cần 4 điều tốt ấy: khuyên nhủ bạn khi bạn vô ý phóng dật, che chở cho bạn, làm chỗ nương tựa cho bạn khi bạn có điều sợ hãi, giúp thành hai lần khi bạn thiếu thốn (câu chuyện Lưu Bình Dương Lễ). Người bạn trong nạn khổ cũng như lúc vui, thổ lộ tâm tình, giữ gìn những điều bí mật của bạn hoặc tốt hoặc xấu, không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn, dám hy sinh thân mạng vì bạn. Có câu ‘Bản cư nào thị vô nhân vấn, Phú tại thâm sơn hữu viễn thân’: có nghĩa là khi nghèo nếu ở ngoài chợ cũng không ai hỏi, lúc giàu nếu có ở núi sâu cũng lắm kẻ tìm đến. Đó cũng không phải là bạn.

Đức Phật là người bạn không mời : Ngài không chấp chứa tiền của, Ngài đã diệt trừ lòng kiêu mạn, đi làm bạn với tất cả mọi người. Trong sự không nói, Ngài nói rất nhiều. Ngài đã diệt trừ lòng tham, chỉ ăn một bữa ngô; khất thực buổi sáng (Ngài không khất thực buổi chiều), bình đẳng không lựa chọn. Có người chỉ trích Ngài chỉ đi khất thực, không làm lấy mà sống, Ngài đáp lại rằng : Ngài cũng đang gieo trồng đây: Trong việc khất thực Ngài gieo hạt giống từ bi; Ngài cũng cây bùa: cái cây là tinh tấn, cái bùa là nhẫn nhục, con trâu là thiền định; Ngài cho bạn nghe những điều chưa được nghe, chỉ cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên.

Bạn tốt là người không hoan hỉ khi bạn mình gặp nạn, hoan hỉ khi bạn mình gặp may mắn, cản ngăn khi nghe người khác nói xấu bạn mình. Bạn như hoa, bạn như cân : không phải là bạn. Bạn như hoa là bạn vì danh vọng, vì giàu có, vì lợi lộc. Bạn như cân là bạn luôn luôn đòi hỏi sự cân xứng cả hai bên, cân qua cân lại, giúp qua giúp lại, mới làm bạn. Bạn như đất, mới đúng là bạn tốt : tâm thành thiết tha, giúp cho bạn mình được lợi ích, không ganh tị,

mà hoan hỷ (như đám đất). Ngược lại, khi bạn sa cơ, nghèo khổ, mình vẫn như như, không bỏ bạn, đó là bạn chắc thật. Không nên gần gũi những người mà mình không coi như bạn thiết, để khỏi bị dẫn dắt vào đường hư hỏng, biếng nhác. Mình làm bạn với ai cũng vậy, thiết tâm giúp đỡ bạn. Khi bạn bị thất sủng, mình không bỏ. Đó là bắt đầu cơ bản để đi đến việc lễ bái sáu phương có ý nghĩa như sau đây.

### SÁU PHƯƠNG LỄ BÁI

Đó là: Phương đông chỉ cha mẹ, phương nam chỉ sư trưởng, phương Tây chỉ vợ chồng, phương Trên chỉ tôn sư (Sa môn), phương Bắc chỉ bạn bè và phương Dưới chỉ người giúp việc.

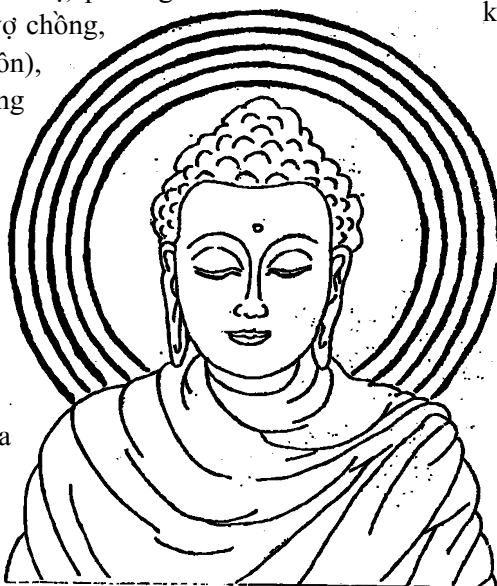
Chúng ta phải liên quan với sáu mặt mới sống được, sáu phương đó tương quan mật thiết với chúng ta. Nếu cắt đứt với sáu tương quan này thì chúng ta không thể sống được. Mình sống đây là sống tương quan với sáu hạng người, vậy ta cư xử thế nào cho đúng, theo lễ phải, theo luật pháp ?

1. Phương đông : Làm con phải phụng dưỡng cha mẹ, có bốn phận hầu hạ sớm tối, bảo vệ tài sản của cha mẹ, lo lễ tang khi cha mẹ qua đời. Cha mẹ nuôi con với tình thương, con cũng phải phụng dưỡng cha mẹ với tình thương, sớm tối viếng thăm, cung kính giữ gìn truyền thống gia đình. Ngược lại, cha mẹ cũng có 5 bốn phận đối với con cái : cưới vợ gả chồng, lo nghề nghiệp cho con, ngăn ngừa không cho con giao du với bạn xấu, con hư là cha mẹ có một phần trách nhiệm, trao của cải sự nghiệp cho con khi đúng thời. Lòng thương không sáng suốt làm cho con hư hỏng. Chọn nơi xứng đáng làm vợ làm chồng cho con. Ngày xưa các bậc cha mẹ chọn nơi môn đăng hộ đối, để lại lời than trách của các con, xui con vào đường tì thiếp. Không nên vì tham lam mà đưa đẩy con vào đường xấu xa. Ân và oán là do trong gia đình mà ra, khéo tu là hạnh phúc, không tu là dây oan. Như vậy là phương đông được che chở, không có chi sợ hãi.

2. Phương Nam : Ta phải phụng sự Sư trưởng như phụng sự cha mẹ 'Tiên học lễ, hậu học văn', chào hỏi thăm viếng ân cần, hầu hạ Sư trưởng, hằng hái học tập. Ngược lại Sư trưởng có bốn phận huấn luyện đệ tử như mình đã được huấn luyện, thương đệ tử, khen đệ tử khi đệ tử học giỏi, đảm bảo nghề nghiệp cho đệ tử. Như vậy, phương Nam được che chở, không có chi sợ hãi.

3. Phương Tây : Đối với vợ, người chồng phải kính trọng, không bắt kính, thủy chung, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ, khuyên răn giáo dục vợ khi vợ hỗn hào, như chuyện sau đây: Có một chàng kia gặp chị vợ hỗn hào quá, luôn luôn chửi mắng chồng, nguyên rửa chồng khi có điều gì không vừa ý. Chàng ta mới đi mua về một cái hòm để trong nhà. Chị vợ hỏi : Mua hòm để làm gì ? Chàng ta đáp là mua về để chôn anh khi anh chết, vì có thể anh chết thành linh chưa biết khi nào. Và mỗi lần chị vợ chửi rửa chồng thì anh đánh tình thịnh trên quan tài và khóc rống lên : "Chàng ơi, sao chàng chết đi, chàng nỡ bỏ thiếp bơ vơ một mình, không ai giúp đỡ, không ai trông nom, bảo vệ thiếp !" Và chàng cứ khóc hoài thảm thiết cho đến khi chị vợ ngưng mắng mỏ, chàng mới thôi khóc. Và vài ba lần như vậy, chị vợ suy nghĩ lại, thấy mình hỗn hào với chồng thật là không nên, và từ đó, không bao giờ chị ta mắng mỏ chồng nữa. Đó là một cách giáo dục vợ, đem lại kết quả tốt đẹp. Người vợ đối với chồng cũng phải làm hết bốn phận : khéo đón tiếp bà con chồng, trung thành với chồng, giữ gìn của cải, khéo léo làm mọi việc trong gia đình. Như vậy, phương Tây được an ổn, che chở, không chi sợ hãi.

4. Phương Bắc : Không lường gạt thì được bạn bè thương tưởng; che chở bạn, bảo vệ tài sản cho bạn, trở thành chỗ nương tựa cho bạn; không tránh xa khi bạn gặp khó khăn; kính trọng gia



đình bạn. Như vậy, phương Bắc được che chở lẫn nhau, không ai sợ ai.

5. Phương Dưới : Đối với người giúp việc, lo lắng ăn uống và tiền lương đầy đủ. Bất làm việc nhiều mà trả lương ít coi như mắc nợ người ta vậy; điều trị người giúp việc khi có bệnh hoạn, ốm đau; có miếng ăn ngon chia xẻ cho người giúp việc; thỉnh thoảng cho nghỉ phép. Như thế người giúp việc sẽ trở thành bạn với mình; nếu không đối xử đúng đắn, người giúp việc sẽ trở thành người thù đối với mình. Ngược lại, đối với chủ, người giúp việc phải thức khuya dậy sớm, thức trước khi chủ thức dậy và đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật chủ cho, khéo đảm đang công việc, không phải làm cho lấy có; đem danh tiếng tốt về cho chủ. Như vậy, chủ xứng đáng mà tớ cũng xứng đáng, và phương Dưới được che chở, không có chi phải sợ hãi.

6. Phương Trên : Đối với Sa môn, Bà la môn, chúng ta phải có lòng từ, hành động tốt về thân, khẩu và ý; mở rộng cửa để đón Sa môn và Bà la môn, cúng dường các vật dụng cần thiết. Sa môn và Bà la môn đối với chúng ta thì có lòng thương tưởng chúng ta, ngăn không cho làm điều ác, cảnh giác khuyên răn, khuyến khích làm điều thiện, làm cho thanh tịnh những điều đã nghe; thương xót chúng sanh với tâm từ bi; là thiện tri thức của chúng ta, dạy chúng ta những điều chưa nghe, chưa biết, làm cho rõ ràng để thực hiện cho được, đó là pháp thanh tịnh, làm cho chúng ta hoàn thành đạo Nhân thừa. Như vậy, phương Trên che chở, hai bên trở thành nơi nương tựa cho nhau, che chở cho nhau.

Trên đây là pháp Lễ bái đầy đủ sáu phương theo kinh Thiệt Sanh và để kết luận, đức Phật nói bài kệ :

*Cha mẹ là phương Đông  
Sư trưởng là phương Nam  
Vợ chồng là phương Tây  
Bạn bè là phương Bắc  
Nô bộc là phương Dưới  
Sa môn, Bà la môn  
Có nghĩa là phương Trên*

*Cư sĩ và gia đình  
đánh lễ phương hướng ấy  
Kẻ trí giữ giới luật  
Tù tốn và biện tài  
Khiêm nhường và nhu thuận  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Dậy sớm không biếng nhác  
Bất động giữa hiểm nguy  
Người hiền không phạm giới  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Nhiếp chúng tạo nên bạn  
Từ ái tâm bao dung  
Dẫn đạo khuyến hóa đạo  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Bố thí và ái ngữ  
Lợi hành bất cứ ai  
Đồng sự trong mọi việc  
Theo trường hợp xử sự  
Chính những nhiếp sự này  
Khiến thế gian xây quanh  
Như bánh xe quay lăn  
Vòng theo trục xe chính  
Nhiếp sự này vắng mặt  
Không có mẹ hưởng thọ  
Hay không cha hưởng thọ  
Sự hiếu kính của con  
Do vậy bậc có trí  
Đối với nhiếp pháp này  
Như quan sát chấp trì  
Nhờ vậy thành vĩ đại  
Được tán thán danh xưng.*

Tròn bốn phạm đối với sáu phương hướng tức là lễ bái sáu phương, hợp với giáo lý đức Phật là **tù tốn và biện tài**. Đức tính từ tốn là không tranh thắng với ai, không vội vã. Biện tài là muốn lợi ích cho mình và cho người khác thì tìm lời nói năng khéo léo, dùng tài hùng biện để thuyết phục người, lời nói đủ ý nghĩa, trúng căn cơ để chuyển tâm người.

Căn bản tâm chúng sanh là: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Mạn có bảy thứ : 1. Mạn: cú đem tâm so sánh hơn thua trong ý nghĩ mình hơn người; 2. Ngã mạn: vì ý mình mà lấn lướt người; 3. Quá mạn: mình bằng người mà cho là hơn, người hơn mình mà cho là bằng; 4. Mạn quá mạn: người hơn mình nhiều, mà cho mình là hơn người; 5. Tăng thượng mạn: chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng; 6. Ty liệt mạn: mình thua người nhiều mà nói rằng thua ít; 7. Tà mạn: người tu về tà đạo được chút ít

thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ vị lai, rồi khinh lướt người.

Do đó, muốn chuyển tâm phàm của chúng sanh thành Tâm thánh thì người ta phải tu học đức tính từ tốn và biện tài của đức Phật. Ta còn phải học tính ‘bất động trước hiểm nguy’ của đức Phật nữa. Nếu ta phá được ngã chấp và ngã sở thì ta mới bất động trước hiểm nguy, và nếu còn chấp ngã và ngã sở thì cái khổ càng dày vì cứ sợ thiệt hại, mất mát. Vì sao nhà ta cháy ta đau đớn khổ sở, còn nhà người khác cháy ta vẫn an nhiên như không xảy ra việc gì ?

Khi ta chấp một cái danh hư huyền làm cái ta, thì ta cứ đau khổ liên miên khi cái danh xưng ấy bị gièm xiêm. Xưa có một vị Thiền sư đang tụng kinh thì có tên trộm lén vào dí dao vào lưng, hỏi : - "Tiền để đâu ?" Thiền sư : - "Đừng có lấy hết, hãy để lại một ít để đóng thuế". Tên trộm được tiền ra về. Thiền sư gọi giật lại, hỏi sao không cảm ơn khi người ta cho mình tiền của? Tên trộm liền cảm ơn ... Vài hôm sau tên trộm bị bắt giải lên huyện; ông Huyện cho mời Thiền sư đến và hỏi Thiền sư bị mất trộm bao nhiêu ? Thiền sư bảo không bị mất trộm. Ông Huyện bảo Thiền sư : Sao đã tu hành mà còn nói dối, vì tên trộm cung khai là đã lấy tiền của Thiền sư. Thiền sư đáp : - "Tên trộm đã được tôi cho tiền và y đã cảm ơn, chớ không lấy trộm..." Do đó, tên trộm đã được tha về. Cho hay đối với của cải mà mình đã xả rồi thì mình không còn sợ hiểm nguy. Mình dùng cái ngã của mình để tu hành, nên gặp nguy hiểm mình không sợ; còn coi nặng cái ngã và ngã sở thì còn mang nhiều đau khổ. Việc này rất cao siêu và khó học tập, nhưng nếu ta cố gắng tinh tấn học tập thì thế nào cũng đạt được kết quả mong muốn.

Người giúp việc vấp té, lỡ tay làm bể bát cổ. Bà chủ hỏi: Con té có đau không? Như vậy là bà có đức độ bao dung, biết thương người mà không tiết của. Xưa có một vị Lang y giỏi nổi tiếng, có một người kia có mẹ già bệnh nặng, cứ chầu chực mấy ngày liền mà không rước được thầy lang. Y bèn quỳ giữa đường và đón xe thầy ngang qua. Thầy lang buộc lòng phải đến chữa bệnh cho mẹ y. Thầy cho hai thang thuốc và bảo y ngày hôm sau cho thầy biết kết quả. Hôm sau y đến thưa rằng mẹ y đã bớt bệnh nhiều, nhưng chắc chết. Thầy ngạc nhiên hỏi : Sao bớt bệnh mà lại chắc chết, thuốc thầy chưa bao giờ làm cho ai chết cả. Y thưa: Mẹ y không phải chết vì

bệnh mà chết vì mất của, tiếc của. Nguyên mẹ y đã để dưới gối một lượng vàng, mà nay không còn nữa. Nếu tìm lượng vàng không ra thì mẹ y chắc chết. Thầy lang liền mở tủ, lấy một lượng vàng, bảo y cầm về đưa cho mẹ. Hôm sau mẹ y lành bệnh rũ chiếu giường, thì tìm thấy lượng vàng, biết mẹ con y đã nghi oan cho thầy lang, liền đem vàng đến trả và lạy tạ, xin sám hối tội lỗi. Như thế, thầy lang đã có đức đại lượng bao dung, chịu mang danh ăn cắp, chịu mất một lượng vàng, chỉ muốn cứu sống một mạng người. Cho nên muốn dẫn đạo, để khuyến hóa đạo, ta phải có lòng đại độ bao dung và muốn nhiếp phục chúng sanh quay về với Phật pháp, ta cần thực hành theo Tứ nhiếp pháp.

## TỨ NHIẾP PHÁP

Tứ nhiếp pháp là những gì ? ấy là : bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

1. Bố thí nhiếp : Có ba cách bố thí : tài thí, pháp thí, vô úy thí.

a. Tài thí : Có nội tài (bố thí chính ngay thân mạng mình - cho máu để tiếp người bệnh nhân) và ngoại tài (cho tiền bạc của cải). Tài thí có nhiều cách : định kỳ thí, cấp thời bố thí (một miếng khi đói bằng một gói khi no), hợp lực bố thí (kêu gọi hợp lực cùng nhau làm, vì một mình không đủ phương tiện), kính cẩn bố thí (kính cẩn đối với người mình bố thí).

Bố thí thì cần xét đến : tâm bố thí, của đem bố thí và người mình bố thí. Tâm phải là tâm thanh tịnh nghĩa là trong sạch, không phải cầu danh, hoan hỉ khi đang bố thí và mừng rỡ sau khi bố thí. Của bố thí phải là của thanh tịnh, nếu là của không trong sạch (ví dụ của ăn cướp) thì không phước đức. Xứng cảnh trí tức là người mình nên bố thí, cúng dường giống như ba thứ ruộng phước : kính điền (người đáng tôn trọng), ân điền (người có ân với mình như cha mẹ, sư trưởng) và bi điền (người đáng thương xót).

Khó có người giàu có như ông Cấp cô độc đem vàng trải ở Kỳ viên, nhưng người nghèo cũng có thể bố thí được. Như anh kia thấy người ta cúng dường trai tăng, anh chỉ kiếm ra được một ít đậu, bèn đứng vào một xó. Lúc người ta đang tác bạch, thì thấy đậu trải đầy bàn ăn, mọi người đang tìm hiểu, thì đức Phật trông thấy y đang đứng trong góc phòng, đức Phật gọi anh ta là ‘đại thí chủ’. Mọi người liền mời y ra cùng dự chung. Anh ta chỉ bố thí với tâm thành khẩn, không kể mình thấp kém.

Có chị ở giúp việc cho người ta, rất muốn cúng dường đức Phật. Chị nghèo quá, chỉ kiếm được một miếng bột, bèn gói trong lá, đem nướng đi, và ước ao cúng dường đức Phật, chỉ sợ đức Phật không nhận. Không ngờ đức Phật nhận và bóc bánh ra, ăn liền trước mặt chị. Chị ta sung sướng hết sức.

**b.** Pháp thí : Trong khi tài thí giúp đỡ sắc thân thì pháp thí có công năng giúp đỡ cho pháp thân, huệ mạng. Nếu không có pháp nuôi dưỡng thì pháp thân heo mòn, trái lại thì pháp thân tăng trưởng. Việc pháp thí rất khó vì nếu ta không biết pháp, không học pháp thì lấy đâu để pháp thí ? Cho nên đức Phật thường bảo đệ tử đem giáo lý của đức Phật phổ biến cùng khắp.

Đối với người đau khổ về tinh thần thì cần pháp thí. Có một chị đi lấy chồng, lâu lắm mới có một đứa con. Khi con mới lên ba thì chòng qua đời, và sau đó ít lâu, đứa con bỗng chốc bị trúng gió, chết mất. Chị ta đau đớn vô cùng và không tin là con mình đã chết. Chị bỗng con đi xin thuốc chữa. Với tâm sầu khổ, chị đến gặp đức Phật và xin đức Phật cứu sống con chị. Đức Phật bảo chị đi xin hột cải tại nhà nào chưa có người thân chết đem về để đức Phật cứu cho. Chị đến từng nhà xin hột cải, nhưng khi chị hỏi trong nhà đã có ai chết chưa, thì người nào cũng đáp là nhà đã có người chết. Và cuối cùng chị đến một nhà vừa có con nhỏ chết. Chị ta liền giác ngộ, bèn đem con về chôn cất. Hôm sau chị đến bạch Phật rằng việc Ngài dạy con đã làm xong, và xin đức Phật chứng minh cho.

Như vậy Ngài đã dạy pháp để chị ta tự tu, tự chứng ; nếu lúc bấy giờ giảng lý thì không hợp, trong lúc chị ta đang đau khổ. Trong khi đi xin hột cải thì chị ta đã trực tiếp chứng được lý vô thường của vạn vật. Chúng ta học đạo là để chất chứa Phật pháp ngõ hầu khi gặp lại tai biến mà tiêu dùng, như chất chứa tiền của vậy.

**c.** Vô úy thí : Là đem cái không sợ ra thí cho chúng sanh. Ta không giết hại vật thì vật gần mình không sợ hãi, ta không trộm cắp thì người khác không sợ mình lấy cắp của người. Và lại còn biết hy sinh giúp người cứu vật trong lúc hoạn nạn tai biến.

**2.** Ái ngữ nhiếp : Tùy theo căn tánh chúng sanh mà khôn khéo nói năng, an ủi khuyên lớn nhân thể khiến cho họ sanh lòng thân mến, rồi từ đó họ mới theo ta mà học đạo ; lời nói khéo léo, ôn

tôn, nhẹ nhàng đem lại an lạc cho tâm ta và mọi người.

Có anh kia đi cày, ngủ trưa, quên cột trâu. Một con hổ từ trên xuống núi đi xuống. Trâu đến đánh thức chủ dậy để báo động. Mất ngủ, anh kia bèn đánh đuổi trâu. Trâu kia sợ hổ ăn thịt chủ, bèn chồm lên mình chủ để đỡ cho chủ. Anh đi cày giận quá, cho là trâu trở chứng, liền bỏ buổi cày, dẫn trâu về. Dọc đường gặp đức Phật, trâu khóc. Đức Phật vỗ về trâu, lấy lời dịu ngọt dỗ dành khiến trâu hết đau khổ và làm cho anh cày giác ngộ. Ái ngữ, trong ái ngữ nhiếp không phải là lấy lời dịu ngọt để nịnh hót cốt làm lợi cho mình. Ái ngữ ở đây cốt lợi cho người khác.

**3.** Lợi hành nhiếp : Làm những việc có lợi cho người khác. Bất cứ việc nhỏ hay lớn, nếu biết làm thì mới có giá trị lớn. Kinh Lăng nghiêm có đoạn kể Ngài Trì địa Bồ tát chuyên đi sửa đường, sửa cầu, gánh đồ giùm cho mọi người. Có một vị hòa thượng kể câu chuyện đã có lần cùng với quý thầy đi ngang qua một cánh đồng. Nắng gắt và khát nước, mọi người dừng lại nghỉ chân ăn uống. Nhân ăn xoài, quý thầy ương những hột xoài tại chỗ. Mấy năm sau có việc, hòa thượng cùng quý thầy lại đi qua chỗ cũ, thấy mấy cây xoài đã bắt đầu có quả ăn. Đó cũng là một việc lợi hành mà ít ai để ý làm.

**4.** Đồng sự nhiếp : Cùng làm một việc với người khác. Tùy theo mỗi người làm một việc nhưng cùng nhắm một mục đích (ví dụ: xây dựng gia đình, cùng nhau đẩy một chiếc xe lên dốc, nếu không cùng đẩy là không cùng sự). Có đồng sự thì nói gì người ta cũng nghe mình.

Có bốn sự nhiếp này thì thế giới hòa bình, gia đình an lạc. Bốn sự nhiếp này vắng mặt thì con cái không hiếu kính cha mẹ, anh em không sống hòa hiệp với nhau. Làm được bốn nhiếp sự này thì được danh xưng, mọi người tán thán.

---

(Phật tử Nguyên Định đánh lại vào máy vi tính nhân dịp Lễ Khánh thành đại trùng tu Tổ đình Thiên Tôn - Huế(9/3/2001)).

*Thường  
nhỏ  
Hoàng Lan*

Trần Thùy Mai

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi : " Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót ?". Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bảo : "Hãy nhớ ngày này. Nếu có cơ duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại". Trở về thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi heo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cỏ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hoà trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở trường Trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tinh nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chơi để thử bản lĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. Cả chùa ngẩn ngơ khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư cụ trụ trì: "Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ ?". Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh rồi hai người thành vợ chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tu. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông đem đạo về giữa đời. Sau khi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, những con ếch theo phản xạ cứ chắp hai chân trước vái lia lia. Một bà đi ngang bảo mẹ tôi : "*Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy*

*M.H*". Rồi bà cười ha hả : "*Đi tu mà chẳng chót đời; Làm thân con ếch cho người lột da*". Tính mẹ tôi mau nước mắt, cú vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kéo nheo mắt, năn nỉ cha tôi tội gì không để tóc, ngả mặt, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. Cả đời người không tranh giành với ai mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phát lên đến đó. Cơ sở làm hương trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm ...

Cô ruột tôi tức lắm, bảo : "*Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ông !*". Ai cũng khuyên đừng báo tìm, nhưng cha tôi chỉ nói "Đừng". Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya nghe chùng khắc khoải. Chao ôi, với những con thuyền khắc khoải ấy, kiếp nào cha tôi mới đến Tây phương ?

Cơ sở làm hương từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa : "*Thiệt là hư sự, ai đời lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá như thế nư*".

Tôi dần dần nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vút bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gội đầu xong mẹ tôi thường hái hoa giấu vào búi tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn ...

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Đế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo :

- "Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu ?"

Tôi chỉ lắc đầu ...

Nơi thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am - am Mây Biếc. Mười năm khai sơn, thầy đã cùng đồ đệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn giò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chưởng tính. Sư huynh hạch tôi :

- "Bạch thầy, Đấng Minh trốn học, la cà ở quán cà phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Minh làm hương giàu có, cúng đường

nhiều tiền nên thầy thả cho Minh tha hồ tự tung tự tác".

Tôi úc, lằm lì, không nói, thầy cũng không quở. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ. Sợ thầy phạt, đời lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch :

- Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bảo : tu trên núi dễ, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đực mà tránh ?

Thầy hỏi :

- Ai bảo con là đời đực ? Đời không đực, không trong.

Tôi hệt hẳng, không hiểu ý thầy định nói gì ?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phải dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thường ngoạn. Thú bẫy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới thảo am. Mấy cô nữ sinh nhỏ tuổi mê hoa ngấn ngò ngấm bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngăn lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sương li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi giảng :

- Đây là giống Tiểu hồ điệp, nghĩa là bướm bướm nhỏ. Cô thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm cải màu vàng.

Cô chia hai bàn tay với những ngón búp măng, hứng sương. Tôi cau mày :

- Này, đừng nghịch !

Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi.

- Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan.

Tôi cúi, xịt cho nước rơi ướt cả tóc, cả áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại :

- Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy !

Tôi tùm tùm cười. Sư huynh tôi cúi kính :

- Mấy con Thị Mầu đời nay quá quắt lắm. Bay không biết quyến rũ sư tăng là tội đạo địa ngục hử ?

Tôi cự :

- Người ta chỉ đùa thế, có gì gọi là quyến rũ !

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến giúp tôi tưới hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đây là cả một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng Vĩ đỏ rực, Tuyết Điểm thì trắng, Vũ Nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu :

- Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có !

Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ thơ :

- Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tinh Khôi.

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bảo :

- Không can gì !

- Bạch thầy, người này có bạn, thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đây thảo am, còn cái thể thống gì nữa ?

Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mực đồng chân trâu :

- Đây là thập mục ngu đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó !

Tôi động lòng, hỏi :

- Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu chẳng còn người, chỉ còn trăng soi. Vậy có gì phải sống trong dây trời ? Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong.

Thầy cười :

- Đúng, con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phàm, thì cũng như con trâu kia, phải có sợi dây buộc, có người chăn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi, mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhơn nhơ trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây.

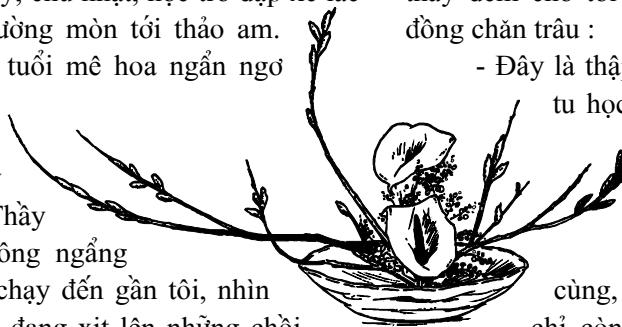
Tôi vái thầy mà thưa :

- Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa.

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi :

- Anh không thích phong lan nữa sao ?

- Không. Muôn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan.



Tôi giảng cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mảnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh tỏa thơm ngậy ngát. Lan bảo :

- Thích ghê, em chưa thấy bao giờ !

- Ủ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bông chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa !!!

Tôi lớn lên lòng băng khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ, thương thương ...

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cảnh hải lòng lăm khi thấy những giò mუმ mუმ với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bưng ra.

- Cha ơi, con có làm một ít bánh trái cây để cúng đường.

Tôi nghe tiếng, quay lại, sùng người vì thấy Lan. Ông chủ tịch âu yếm bảo con :

- Cúng đường thì phải cung kính. Con phải tự lên chùa lạy Phật mà dâng.

Tôi hãi hồn, vội nói :

- Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây.

Lan bật cười, lại cái cười tinh khôi. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu :

- Sao lâu nay anh không ra vườn ? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa.

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi ai cũng nhìn về phía Lan, còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy cả bầu trời hoàng hôn tím, tím ngát ngoài kia đang in trong đôi mắt Lan. Mãi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt thơ ngây mà nảo nùng. Bỗng đứng tôi đỏ mặt, rồi tôi thấy hoảng sợ vì mình đã đỏ mặt ...

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán :

- Con Lan sữa tươi trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh, bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà.

- Không phải đâu, nó giữ giá để chờ lấy Việt kiều, thằng Hùng ở Cali về ngày nào cũng trực ở nhà nó !

- Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quán chạy bàn ở cà phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quán, khóc rưng rức.

Tôi im lặng, một lát sau mới bảo :

- Khó tin.

- Ở đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra - Bạn tôi nói, về ông cụ non- chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quày đưa bức thư cho thằng Quán.

Đạp xe về đã đến quá lǎng Tự Đức, tự nhiên tôi bút rút không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lướt thướt trên con đường về Bao Vinh xa tấp. Mẹ Lan hỏi :

- Nhà chùa có việc gì mà nhắn cháu lên ? Thấy Quán về nhắn, tôi cho cháu đi ngay rồi !

Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thình thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên thảo am lần đầu : "Cô gái này đẹp đẽ thanh tú nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đây là tướng hồng nhan mệnh yếu" .... Trời chập choạng tối, tối Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy Quán và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quán gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu, Quán cố nài. Tôi đi vào, dấn mạnh vào mũi Quán :

- Đồ lừa đảo. Từ nay chùa cái thói đồ gái đi.

Quay sang Lan, tôi nạt :

- Đi về !!

Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngậy ngậy như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi, Quán biết tôi có võ Thiếu Lâm nên đành chịu phép, hậm hực chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất mồi ...

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi, khóc :

- Em nhờ Quán chuyển đến anh nhiều thư, anh có nhận được không ?

Tôi cau mặt :

- Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quán ?

- Quán bảo em uống vài chén cho ấm rồi lên đàn Nam Giao chờ Minh đến !

- Em đừng quên, tên em là Tinh Khôi. Đừng dại dột để bọn lưu manh làm cho nhớ bản.

Nước mắt Lan chảy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường. Lan ngồi bên tôi :

- Đêm nào cũng nằm mơ thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Minh về trồng lan trong sân nhà em đi, có thích hơn không ?

- Thích.

Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào trước ngai vua mà không sánh ra ngoài một giọt. Lan nghi ngờ :

- Sao có người làm được như thế ?

Tôi gật đầu :

- Ngày ấy nhà vua cũng đã hỏi như vậy. Vị thiên sư trả lời : "Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu giải thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua".

Lan ngược nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ươm ngạnh lạ lùng :

- Em hiểu rồi. Anh xem tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao ? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc ?

Tôi bảo :

- Em nói gì thế ? Chuyện sống chết mà nghe cứ như là trò chơi sắp giữa của trẻ con !

Lan cười ... Bàn tay nhỏ nhắn nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phải phù du ? Vẻ đẹp này là **sức** hay là **không** ? Chỉ thấy ngọc vì trắng. Trăng sáng quá.

- Thôi, về đi em !

Tôi đạp xe, trước mặt tôi chập chờn lấp lóa những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật ...

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tốc lên ngay. Tôi bảo :

- Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu !

- Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, dành gái. Thế còn gì là tu hành ? Tao mà gặp con ma nữ đó, tao tức từ dưới tức lên.

Tôi ngăn người một lúc rồi hiểu ra, không nín cười được. Cô bực tức :

- Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao??

Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về.

"Con ma nữ" đã uống hai mươi viên Ceducen, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chấp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát :

- Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi con !!!

Tôi cuống quýt :

- Bác bảo con làm sao được ?

- Con cứ giả vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn nông cuồng. Vài ba năm nữa chững chạc rồi tự nhiên nó hiểu ra.

Ông chủ tịch hội hoa cảnh mắt đỏ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bảo vợ :

- Nói như bà cũng khó. Chú Minh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phúc được che lọng vàng. Lê nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng.

Tôi thở dài :

- Cháu đi tu không phải là mong lọng vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy Sám.

Nhớ tới mẹ, tôi bất giác đau đớn trong lòng, đứng dậy cáo biệt đi ...

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy hỏi :

- Sao con bỏ học ?

Tôi nói :

- Suối ở xa, con muốn ra triền núi đào giếng.

Tôi tự dày mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoải. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hoảng vùng dậy :

- Bạch thầy ?

Thầy tôi bảo :

- Con giặt mình, nói mê luôn, hất tung cả chăn.

Tôi nói :

- Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bệ Phật niệm Cầu An.

Thầy lặng lẽ một lúc rồi bảo tôi :

- Tâm không an, có cầu cũng vô ích.

Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chợt mắt là thấy Lan hiện ra, mảnh dẻ, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sóng sánh nước đi thẳng đến bờ



vực. Tôi nghe tiếng thét của nàng vang động cả giấc mơ, nàng nhào xuống rơi thẳng vào không gian mênh mông như chiếc lá lia cành trước gió.

- Thầy ơi, nếu vào Niết Bàn mà phải đạp lên một chiếc lá, Phật có làm không ? Xin Thầy cho con hay, trời đất nặng hơn hay chiếc lá nặng hơn ?

Thầy nhìn vào mắt tôi :

- Chỉ có con tự trả lời con được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết lòng mình.

Tôi lắc đầu :

- Thầy quên sao ? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi !!

Ra Xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã úa ra từ lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy nhưng người đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bộ Phật, mùi trầm mới thơm thơm trong không gian.

Đang dội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến :

- Chú Minh !!

Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan :

- Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại ...

Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt.

Những dòng chữ trong thư, mảnh mai và run run như những cánh lan :

"Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phải chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan ..."

Người ta cứ bảo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây đi Mỹ cho sướng chủ theo chỉ chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi Tây đi Mỹ không phải là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một nơi xa lạ thì với em còn khổ hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh cầu siêu thoát, một lần thôi ..."

Bất giác, tôi oà khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng.

- Cứ khóc đi con !!

Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt :

- Thầy chưa nghe nói gỗ đá thành Phật bao giờ!

Tôi nức nở :

- Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây hoàng lan không ?

Thầy bảo :

- Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung ?

Rồi một tay đất tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống.

Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất cả những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cảm lòng thôi thương, thôi nhớ. □

Huế, 12 - 2000.

## THẢNH THỜI

Diệu Trí

*Bởi sóng đời đã lặng giữa niềm tin  
Nên vẫn thấy tâm hồn mình còn bé .  
Làm thơ, viết báo, tập tành văn nghệ  
Vẫn dịu dàng, tha thướt áo dài lam  
Từng sợi thương phai nhạt  
với thời gian  
Để gió lạnh sả len vào tóc bạc  
Vẫn thấy màu xanh  
không gian thơm ngát  
Hương và Hoa thêm nồng  
ấm tình lam  
Dấu gian khó cũng  
nụm cười đứng dậy  
Cứ nhẹ nhàng thanh thản  
bước ung dung  
Trên lối đi hoa nở dấu chân mềm  
Tâm sự lắng vào lời ru nội kết .*

